

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 / 3 / 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Tâm;
- Ông Lê Thanh Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1985; địa chỉ: số E đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bi đơn: Ông Trần Công H, sinh năm 1984; địa chỉ: số B đường V, khóm M. Phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà D và ông H vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày: Bà D và ông H tự tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; số 102 cấp ngày 27/9/2022.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng 6/2023 phát sinh mâu thuẫn do ông H đam mê cờ. Từ năm 2023 đến nay giữa bà D và ông H không

gặp mặt và cũng không tự hàn gắn tình cảm. Ông H cùng với con Trần Thị Ngọc A (con chung giữa bà D và ông H) về nhà cha mẹ ruột ông H sống tại khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà D yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông H có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022. Bà D yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà D không yêu cầu nuôi con chung. Đồng ý giao con chung cho ông H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Công H trình bày: Vào năm 2022, ông H và bà D tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống ông H phát hiện bà D có người khác, có trình bày với cha mẹ bà D nhưng cha mẹ bà D bênh con và đuổi ông H đi. Khoảng giữa năm 2023, ông H cùng với con về nhà cha mẹ ruột ông H1 tại khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang sinh sống cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm đối với bà D không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Ông H và bà D có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022, hiện đang sống cùng với ông H. Ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do đương sự có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Chủ tọa phiên tòa công bố lại lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa; của người tham gia tố tụng đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Bà D và ông H tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Bà D và ông H kết hôn năm 2022 đến tháng 6/2023 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Bà D cho rằng ông H cờ bạc, không làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông H trình bày do bà D qua lại với người đàn ông khác. Quá trình giải quyết Bà D và ông H đều yêu cầu không hòa giải. Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, có kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt. Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D và ông H cùng thống nhất có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022, hiện đang sống cùng với ông H. Từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay cháu N An sinh sống với ông H và ông H có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Nên giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Theo đó, tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu nuôi con chung, Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2025 bà D không yêu cầu nuôi con chung và đồng ý giao con cho ông H nuôi dạy. Nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Công H. Đồng thời, ông H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D và bị đơn Trần Công H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D và ông H theo quy định tại các khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy D và ông Trần Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 27/9/2002 nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà D cho rằng nguyên nhân yêu cầu ly hôn với ông H do ông H đam mê cờ bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng xảy ra cãi vã và ông H cùng với con về

nhà cha mẹ ruột ông H sống từ năm 2023 cho đến nay, tình cảm với ông H không còn. Bà D yêu cầu ly hôn ông H.

Ông H xác định đã không còn chung sống với bà D từ năm 2023 cho đến nay do ông H phát hiện bà D có người khác, đã nói chuyện với gia đình của bà D nhưng gia đình bên vợ con đuổi ông H ra khỏi nhà. Hiện ông H và cháu Ngọc A sống tại nhà cha mẹ ruột ông H tại V, thành phố C, tỉnh An Giang. Do tình cảm đối với bà D không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Xét, mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại, gia đình hạnh phúc khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình sống chung giữa bà D và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn niềm tin dành cho nhau và đã sống xa nhau từ năm 2023 cho đến nay. Đồng thời, cả bà D và ông H đều xác định tình cảm đối với nhau không còn, đồng ý ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, không tạo được một gia đình hạnh phúc. Do đó, việc bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Thùy D và ông Trần Công H cùng thống nhất: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông H có 01 con chung tên Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022, hiện đang sống cùng với ông H.

Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu nuôi con chung, Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2025 bà D không yêu cầu nuôi con chung và đồng ý giao con cho ông H nuôi dạy nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu nuôi con chung của bà D đối với ông H.

Ông H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà D cũng đồng ý giao con chung cho ông H nuôi dạy. Xét, hiện cuộc sống của cháu A đang ổn định và ông H, bà D cũng thống nhất việc giao cháu A cho ông H nuôi dạy nên chấp nhận yêu cầu của ông H, tiếp tục giao con chung Trần Thị Ngọc A cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy.

Ông Trần Công H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị Thùy D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Ông H là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thùy D và ông Trần Công H cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí bà D đã nộp..

Ông Trần Công H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy D đối với ông Trần Công H về việc yêu cầu nuôi dạy con chung Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Công H.

[2] Về con chung: Ông Trần Công H được nuôi dạy con chung tên Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 06/6/2022. Bà Trần Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Công H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị Thùy D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004104 ngày 25 tháng

10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Công H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc